

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/12/2023.
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiền.
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân
huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm
2023; về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
60/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị D, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T,
tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Phí Văn B, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ,
tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên
đơn chị Phạm Thị D trình bày:**

- Chị và anh Phí Văn B tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/02/2001
tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung
sống với nhau hòa thuận nhưng sau đó vợ chồng hay xảy ra va chạm cãi nhau; nguyên
nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và kinh
tế vợ chồng khó khăn. Tháng 12/2014 chị đi lao động ở nước ngoài để lấy tiền trả nợ
các khoản vay của vợ chồng trong đó có khoản vợ chồng nợ làm nhà. Từ tháng
10/2017, do chị ốm đau, bệnh tật, công việc ở nước ngoài không ổn định nên không có

tiền gửi về cho anh B; ở nhà anh B không thông cảm cho chị, anh còn hay rượu chè rồi thường xuyên điện thoại xúc phạm chị. Tháng 8/2023 hết hợp đồng lao động, chị về nước; do chán nản đi nước ngoài không có kinh tế và chán nản chuyện tình cảm vợ chồng nên chị không về chung sống với anh B mà về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện T sinh sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Chị và anh B có 02 con chung là Phí Thị N, sinh ngày 12/12/2000 và Phí Đoàn Duy S, sinh ngày 29/10/2012. Con Phí Thị N đã trên 18 tuổi, trưởng thành tự lập về kinh tế nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Phí Đoàn Duy S đang sinh sống với anh Phí Văn B. Cháu S có nguyện vọng ở với anh B nên chị đề nghị Tòa án giao cháu S cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu S mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi Tòa án giải quyết xong vụ án đến khi con S đủ 18 tuổi. Trong thời gian ở nước ngoài chị không trực tiếp nuôi cháu S nhưng chị vẫn gửi tiền về cho anh B trả nợ làm nhà của vợ chồng, mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và để anh B nuôi con. Nhà ở và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình của vợ chồng hiện nay anh cũng đang quản lý, sử dụng nuôi con, nên chị không chấp nhận yêu cầu của anh Biên đ chị cấp dưỡng nuôi con S trong thời gian chị đi nước ngoài.

- Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng hiện anh B đang sử dụng có nhà mái bằng 01 tầng xây dựng trên đất của bố mẹ chồng, 01 xe mô tô và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

*** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Phí Văn B trình bày:**

- Anh xác định về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như chị D trình bày là đúng. Trong cuộc sống, vợ chồng đôi khi cũng xảy ra cãi cọ nhau. Tháng 12/2014, chị D đi lao động nước ngoài, mấy năm đầu chị D có gửi tiền về để trả nợ chung của vợ chồng, sau đó chị D không gửi tiền về cho anh nữa và cũng ít liên lạc với anh. Chị D bỏ mặc gia đình, không quan tâm đến chồng con, chị D đã về nước từ tháng 8/2023 nhưng cũng không về thăm chồng con mà về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng không chung sống với nhau đã lâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị D.

- Vợ chồng có 02 con chung như chị D khai. Từ khi chị D đi nước ngoài anh trực tiếp nuôi con S; nay con S có nguyện vọng ở với anh nên anh nhận nuôi con S và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con S kể từ tháng 12/2014, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con S đủ 18 tuổi. Anh cũng xác định, chị D có gửi tiền về cho anh, mỗi tháng gửi bao nhiêu tiền anh không nhớ. Tổng tiền chị D gửi về cho anh khoảng 150.000.000 đồng.

- Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng như chị D khai. Anh cũng không yêu cầu giải quyết tài sản. Vợ chồng không còn nợ chung.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phan Thị D được ly hôn anh Phí Văn B.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị giao con chung Phí Đoàn Duy S cho anh Phí Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị Phan Thị D cấp dưỡng cho con S mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023 đến khi con S đủ 18 tuổi.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Phí Văn B yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con Sơn từ tháng 12/2014.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Bị đơn anh Phí Văn B có nơi cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị D và anh Phí Văn B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị D và anh B do bất đồng quan điểm sống, kinh tế vợ chồng khó khăn, chị D đi lao động ở nước ngoài, tình cảm vợ chồng nhạt dần theo thời gian. Khi chị D về nước vợ chồng cũng không chung sống với nhau. Nay cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đều không muốn duy trì đời sống hôn nhân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[2] Về con chung: Chị D và anh B có 02 con chung, con lớn của anh chị đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Con chung Phí Đoàn Duy S đang ở ổn định với anh B; từ khi chị D đi lao động ở nước ngoài, anh B vẫn chăm sóc con chu đáo, đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của con. Bản thân cháu S cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với anh B. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt con S, nên giao con S cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị D có nghĩa vụ cấp

dưỡng cho con S ở mức 1.500.000 đồng/1 tháng là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của chị D và nhu cầu thiết yếu của con S.

Đối với việc anh B yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con S mỗi tháng 1.500.000 đồng từ thời điểm chị D đi lao động ở nước ngoài tháng 12/2014. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh B đều thừa nhận, trong thời gian chị D đi lao động ở nước ngoài, chị D có gửi tiền về để anh B trang trải nợ chung của vợ chồng, mua sắm đồ dùng sinh hoạt và chi tiêu trong gia đình. Hiện tại anh B cũng đang quản lý toàn bộ tài sản và đồ dùng sinh hoạt của vợ chồng để anh nuôi cháu S. Do đó xác định, không chỉ có mình anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S mà chị D vẫn quan tâm, chăm sóc con chung là cháu S. Đây vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của chị D và anh B. Vì vậy, yêu cầu của anh B đòi chị D cấp dưỡng nuôi cháu S từ tháng 12/2014 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí : Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị D được ly hôn anh Phí Văn B.

2/. Về con chung:

2.1. Xử giao con chung Phí Đoàn Duy S, sinh ngày 29/10/2012 cho anh Phí Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phan Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Phí Đoàn Duy S mỗi tháng 1.500.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023 đến khi con Phí Đoàn Duy S đủ 18 tuổi.

Chị Phan Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; chị Phan Thị D và anh Phí Văn B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Phí Văn B đòi chị Phan Thị D cấp dưỡng cho con Phí Đoàn Duy S từ tháng 12/2014.

3/. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị D phải nộp 600.000 đồng tiền án phí; được trừ 300.000 đồng chị D đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003334 ngày 05/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, chị D còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị D và anh Phí Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Lê Kiên Trung